

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2020

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Vũ Văn Hoàn

2, Bà Phạm Thị Hồng Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 276/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/2/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L (tức Triệu Thị Th), sinh năm 1991
Địa chỉ: Xóm MB, xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN
(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1989
Địa chỉ: Xóm LM, xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/12/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị L (tên gọi khác: Triệu Thị Th) trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn S tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau vì bất đồng quan điểm và vì chị phát hiện anh S có mối quan hệ ngoại tình với người khác. Vì vậy, sau khi chị sinh con được 5 tháng thì vợ chồng sống ly thân. Từ khi ly thân (đầu năm 2018) đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị đã nói chuyện với chồng về việc ly hôn, anh S cũng hoàn toàn nhất trí và nói rằng trước sau anh ấy cũng bỏ chị. Khi chị có đơn gửi đến Tòa án, anh S nói rằng chị muốn làm gì thì làm. Do vậy, chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Hoàng Diễm K, sinh ngày 20/7/2017. Từ khi vợ chồng ly thân, con chung ở với mẹ và gia đình bên ngoại. Anh S có quan tâm hỏi thăm con và thỉnh thoảng đón con về bên nội chơi, còn về vật chất, anh S chưa bao giờ chu cấp gì cho con, chỉ có ông bà nội là quan tâm động viên cháu về mặt vật chất. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi con, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Bị đơn anh Hoàng Văn S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại các Biên bản xác minh của Tòa án tại gia đình anh S, ông Hoàng Trọng Đ – bố đẻ của anh S cho biết: Anh S là con trai và chung sống cùng nhà với ông. Hiện nay anh S đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng anh S vẫn thường xuyên L lạc về gia đình qua điện thoại. Anh S và chị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2016. Quá trình chung sống, chị L muốn làm hồ sơ đi lao động ở Nhật nhưng anh S không đồng ý dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn. Việc chị L có đơn xin ly hôn và Tòa án triệu tập anh S, anh đã nhận được giấy tờ của Tòa án và đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng do bận việc đi làm xa, anh không đến Tòa án được. Quan điểm của anh S là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 35, 39, 147, 174, 175, 177, 179, 220, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Triệu Thị L, cho chị L được ly hôn anh S.

Về con chung: Giao con Hoàng Diễm K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh S vì chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn thường trú tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Triệu Thị L (Th). Đối với bị đơn anh Hoàng Văn S, Tòa án đã hai lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh S vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn S.

[2] Về nội dung:

Chị Triệu Thị L và anh Hoàng Văn S kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội dung biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh S, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, chị L và anh S đã chung sống nhưng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Từ năm 2018, khi chị L sinh con được vài tháng thì vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, chị L và anh S thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa. Anh S đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình nhưng anh không có ý kiến gì thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh S đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được với nhau nữa. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

+ Về con chung: L và anh S có 01 con chung là Hoàng Diễm K, sinh ngày 20/7/2017, hiện cháu K đang sống cùng với mẹ và gia đình bên ngoại. Chị L có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng con khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Phía anh S không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, hiện nay, con chung của chị L và anh S chưa đủ 36 tháng tuổi.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Do vậy, xét yêu cầu xin nuôi con của chị L là có căn cứ chấp nhận, cần giao con chung là cháu Hoàng Diễm K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh S vì chị L không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị L (tức Triệu Thị Thủy) đối với anh Hoàng Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L (tức Triệu Thị Th) được ly hôn anh Hoàng Văn S.

2. Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung là Hoàng Diễm K, sinh ngày 20/7/2017. Giao con chung Hoàng Diễm K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh S. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Triệu Thị L (tức Th) phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0016537 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên..

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã TL;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Thị An